

Số: 33 /2021/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 01 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn tỉnh Bến Tre

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 5/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2018/TTr-SNV ngày 14 tháng 10 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; thành viên Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 11 năm 2021 và thay thế Quyết định số 45/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Ban TĐKT TW (HN, TP HCM);
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bến Tre;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- Ban Thi đua - Khen thưởng (sở Nội vụ);
- Khối thi đua các Doanh nghiệp thuộc tỉnh;
- Đài PTTH, Báo Đồng khởi;
- Chánh, các PVP.UBND tỉnh;
- Phòng TH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Tam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre
(Kèm theo Quyết định số 33 /2021/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại Quy chế này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013); Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng, Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Thông tư số 5/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (gọi tắt là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội); lực lượng vũ trang nhân dân; các đơn vị sự nghiệp; các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; Nhân dân trên địa bàn tỉnh; tập thể, cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hoá - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước là danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và của Chủ tịch nước.

Điều 4. Nguyên tắc thi đua và căn cứ xét tặng các danh hiệu thi đua

1. Nguyên tắc thi đua

Thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện, tự giác, công khai, bảo đảm tinh thần đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển.

2. Căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua

Việc xét tặng các danh hiệu thi đua cho tập thể, cá nhân thực hiện theo khoản 1 Điều 10 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

Điều 5. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng

Thực hiện theo khoản 2 Điều 6 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013, khoản 2 Điều 10 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003, Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng; Thông tư số 5/2020/TT-BNV ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ bãi bỏ khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. Ngoài ra, còn được thực hiện theo các quy định sau:

1. Nguyên tắc khen thưởng

a) Thực hiện khen thưởng phải bảo đảm chính xác, công khai, công bằng và kịp thời trên cơ sở đánh giá đúng thành tích của các tập thể và cá nhân, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn; khen thưởng theo công trạng, thành tích đạt được;

b) Cơ quan, đơn vị quản lý về tổ chức, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức người lao động và quỹ lương thì chủ trì phối hợp thực hiện xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Căn cứ xét khen thưởng

Lập được thành tích trong quá trình công tác, học tập, lao động và sản xuất..., được cơ quan, đơn vị, địa phương bình xét hoặc lập được thành tích đột xuất, tiêu biểu, xuất sắc.

Điều 6. Điều kiện xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng

1. Điều kiện xét danh hiệu thi đua thực hiện theo Điều 9, Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng thi đua, khen thưởng các cơ quan Đảng; Nhà nước; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội; Doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân cấp huyện phải có số phiếu đồng

ý của các thành viên Hội đồng đạt từ 75% trở lên đối với danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và “Tập thể lao động xuất sắc”; đạt từ 90% trở lên đối với Cờ thi đua của tỉnh, danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Chiến sĩ thi đua toàn quốc, “Anh hùng lao động”, “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” (nếu thành viên Hội đồng vắng mặt thì lấy ý kiến bằng văn bản).

3. Không xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với cá nhân đang chấp hành kỷ luật, cá nhân vi phạm pháp luật bị xử lý hành chính có thông báo về cơ quan, đơn vị, địa phương.

4. Chưa xét danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng đối với tập thể, cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau: đang trong thời gian cơ quan có thẩm quyền xem xét, thi hành kỷ luật; đang điều tra, thanh tra, kiểm tra có dấu hiệu vi phạm; có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Sau khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét, đề nghị khen thưởng nếu đạt được các tiêu chuẩn theo quy định.

5. Địa phương có xảy ra trọng án do người từ địa phương khác đến gây án thì Hội đồng thi đua, khen thưởng cấp trên căn cứ tính chất vụ việc để xem xét, quyết định khen hoặc không khen. Địa phương có trọng án do người tại địa phương gây ra thì không xét khen thưởng tổng kết năm.

Điều 7. Trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp phát động, chỉ đạo phong trào thi đua trong phạm vi ngành, địa phương, đơn vị quản lý; chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các hội các cấp để tổ chức vận động Nhân dân tham gia phong trào thi đua.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao thực hiện giám sát việc thực hiện các quy định về thi đua, khen thưởng; kiến nghị bổ sung, sửa đổi những bất cập, chưa hợp lý liên quan đến công tác thi đua, khen thưởng. Phối hợp với các cơ quan Nhà nước cùng cấp tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các phong trào thi đua của tỉnh và của tổ chức mình quản lý.

4. Đề nghị các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh và Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh thường xuyên theo dõi, tuyên truyền, cổ động phong trào thi đua; phổ biến những kinh nghiệm và nêu các gương điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt để tạo sức lan tỏa trong toàn xã hội.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 8. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”; “Chiến sĩ tiên tiến” được xét tặng cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung

một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 10 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

2. Đối với những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu phố, xã, phường, thị trấn, danh hiệu này do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xét tặng theo thẩm quyền.

Điều 9. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

1. Danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét tặng theo các tiêu chuẩn quy định tại Điều 27 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003.

2. Đối tượng được xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được quy định như sau:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương.

b) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

c) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

d) Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các khoa, phòng của các bệnh viện và tương đương, của các trường Trung cấp chuyên nghiệp, trường Cao đẳng, Đại học.

Điều 10. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Tặng cho các đơn vị, địa phương đạt các tiêu chuẩn quy định tại Điều 26 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 đã được tổ chức thi đua theo cụm, khối, ký kết giao ước theo quy định của cấp có thẩm quyền; là những tập thể tiêu biểu, xuất sắc dẫn đầu các cụm, khối có tổng điểm thi đua cuối năm đạt từ 960/1.000 trở lên, được cụm, khối bình chọn và đề nghị. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh có từ 05 đơn vị trực thuộc (Chi cục và tương đương) trở lên được tổ chức thi đua theo cụm, khối để xét tặng cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế các phong trào thi đua yêu nước trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng của tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh quy định số lượng cụm, khối thi đua trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Giấy khen

1. Tặng cho tập thể, cá nhân đạt các tiêu chuẩn quy định tại khoản 42 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 40 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP của Chính phủ. Việc xét tặng Giấy khen cho tập thể, cá nhân do Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, địa phương xem xét quyết định theo thẩm quyền.

2. Đối với việc sơ kết, tổng kết việc thực hiện các chỉ thị, văn bản quy phạm pháp luật,... do cơ quan chủ trì xét, khen thưởng theo thẩm quyền.

Điều 12. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

Tặng cho tập thể, cá nhân gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước:

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được: Thực hiện theo khoản 39 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2013 và Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

a) Đối với cá nhân

Có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu phố: Mỗi xã, phường, thị trấn loại 1, loại 2 tặng 03 Bằng khen, loại 3 tặng 02 Bằng khen;

Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp là người không hưởng lương từ ngân sách có thành tích tiêu biểu, xuất sắc hàng năm: mỗi huyện, thành phố xét chọn không quá 05 cá nhân.

b) Đối với tập thể

Các cơ quan Đảng; Nhà nước; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội; các huyện, thành phố và tương đương được đánh giá, xếp loại đạt mức hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có tổng điểm thi đua đạt từ 960/1.000 điểm trở lên được cụm, khối thi đua xét, đề nghị. Đối với các hội quần chúng cấp tỉnh xét tặng Bằng khen với tỷ lệ 40% tổng số thành viên tham gia khối thi đua.

Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng cho các tập thể đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ, gồm các đối tượng sau:

Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, cấp huyện và xã, phường, thị trấn.

Phòng, đơn vị trực thuộc và tương đương thuộc các loại hình doanh nghiệp.

Phòng và tương đương thuộc Chi cục, Trung tâm là tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp trực thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh.

Đối với xã, phường, thị trấn: Mỗi xã, phường, thị trấn xét chọn 01 ấp (hoặc khu phố), 01 ban, ngành, đoàn thể chính trị, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp có thành tích tiêu biểu, xuất sắc.

c) Đối với công nhân, nông dân, người lao động

Công nhân, nông dân, người lao động đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

Lập được thành tích tiêu biểu trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp trở lên.

Công nhân có sáng kiến, sáng tạo, giải pháp trong cải tiến kỹ thuật, nâng cao số lượng, chất lượng sản phẩm và có đóng góp trong giúp đỡ đồng nghiệp nâng cao trình độ, chuyên môn, tay nghề.

Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân giảm nghèo và tạo việc làm cho người lao động.

2. Khen thưởng chuyên đề:

a) Tập thể, cá nhân đạt thành tích tiêu biểu, xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phát động hoặc do sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh phát động có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh đã được sự thống nhất của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về kế hoạch phát động thi đua.

Cơ cấu số lượng xét khen thưởng của mỗi chuyên đề: chuyên đề chỉ có 02 cấp tham gia: cấp tỉnh 40%, cấp huyện 60%; chuyên đề có 03 cấp tham gia: cấp tỉnh 20%, cấp huyện 20%, cấp cơ sở 60%. Đối tượng để tặng Bằng khen là tập thể, cá nhân trực tiếp thực hiện chuyên đề với số lượng như sau:

Tổng kết 2 năm: Tặng 8 Bằng khen (03 tập thể, 05 cá nhân).

Tổng kết 3 năm: Tặng 10 Bằng khen (04 tập thể, 06 cá nhân).

Tổng kết 4 năm: Tặng 12 Bằng khen (05 tập thể, 07 cá nhân).

Tổng kết 5 năm trở lên: Tặng 15 Bằng khen (06 tập thể, 09 cá nhân).

Riêng đối với chuyên đề chỉ có 01 cấp tham gia khi tổng kết 05 năm trở lên: Tặng 06 Bằng khen (02 tập thể, 04 cá nhân).

b) Khen thưởng các đợt thi đua ngắn hạn theo chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh chủ trì, số lượng xét khen thưởng của từng đợt thi đua phải phù hợp với quy mô và phạm vi phát động.

3. Khen thưởng thành tích đột xuất

Thành tích đột xuất là thành tích đạt được ngoài chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ mà tập thể, cá nhân phải đảm nhiệm như:

a) Tập thể, cá nhân có thành tích cứu người, bảo vệ tài sản Nhân dân và Nhà nước, gương người tốt việc tốt; gương tiêu biểu trong phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; có phạm vi ảnh hưởng trên địa bàn tỉnh; mô hình mới, cách làm hay, sáng tạo, đổi mới, đột phá, dám nghĩ, dám làm trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Tập thể, cá nhân đạt các giải cao trong các kỳ thi, hội thi: giải nhất, nhì, ba quốc tế, quốc gia; giải nhất, nhì khu vực; giải nhất cấp tỉnh. Riêng Hội thi Sáng tạo kỹ thuật cấp tỉnh (02 năm một lần): giải nhất, nhì, ba.

Đối với học sinh giỏi: Quốc tế (giải nhất, nhì, ba); cấp quốc gia (giải nhất, nhì, ba); cấp khu vực (giải nhất, nhì); cấp tỉnh (giải nhất và đỗ thủ khoa).

c) Huấn luyện viên, Giáo viên có thành tích huấn luyện, hướng dẫn cho vận động viên, học sinh đạt giải (giải nhất, nhì, ba) trong các kỳ thi, hội thi quốc tế.

4. Khen đóng góp vật chất

Tập thể có mức đóng góp từ 150 triệu đồng trở lên; cá nhân, hộ gia đình có mức đóng góp từ 50 triệu đồng trở lên; tập thể, cá nhân vận động đạt mức đóng góp 400 triệu đồng trở lên để thực hiện các chương trình xã hội hóa của tỉnh, huyện, cơ sở và các cuộc vận động của chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể vì mục đích từ thiện, nhân đạo.

5. Khen thưởng đối ngoại

Tổ chức, cá nhân ngoài tỉnh, người Việt Nam ở nước ngoài, người nước ngoài và các tổ chức nước ngoài, có thành tích, đóng góp vào sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội an ninh quốc phòng của tỉnh.

Điều 13. Khen thưởng cấp Nhà nước

Các hình thức và tiêu chuẩn xét đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Chương III

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG, TRAO THƯỞNG; THỦ TỤC, HỒ SƠ VÀ THỜI ĐIỂM TRÌNH KHEN THƯỞNG

Điều 14. Thẩm quyền xét duyệt hồ sơ khen thưởng

1. Theo quy định tại khoản 4 Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Đối với huyện, thành phố: Hồ sơ đề nghị khen thưởng cấp Nhà nước cho tập thể, cá nhân phải có ý kiến của Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy đồng ý trước khi Ủy ban nhân dân huyện, thành phố đề nghị về tỉnh.

Điều 15. Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng

1. Thẩm quyền quyết định khen thưởng và trao tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thực hiện theo Điều 80, 81 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003; khoản 45, 46 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng năm 2013 và Điều 43, Điều 44 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

2. Việc tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp Nhà nước thực hiện theo quy định tại Nghị định số 145/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định về tổ chức ngày kỷ niệm; nghi thức trao tặng, đón nhận hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua; nghi lễ đối ngoại và đón, tiếp khách nước ngoài. Việc trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải được tổ chức trang trọng, nghiêm túc và tiết kiệm, thể hiện đúng ý nghĩa tôn vinh, tuyên dương để mọi người học tập.

a) Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trao tặng khen thưởng cấp Nhà nước tại hội nghị tổng kết công tác thi đua, khen thưởng hàng năm của tỉnh hoặc gắn với hội nghị cấp tỉnh, lễ, kỷ niệm của tỉnh;

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức trao tặng gắn với hội nghị ngành, địa phương hoặc lễ, kỷ niệm, ngày truyền thống của ngành, địa phương (không tổ chức riêng lễ trao tặng, đón nhận) đối với danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ.

c) Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức trao tặng vào thời gian thích hợp có đăng ký trước và mời Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy phụ trách huyện, thành phố đến dự và trao tặng đối với danh hiệu vinh dự Nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng và Huân chương Độc lập của Chủ tịch nước cho gia đình có nhiều liệt sĩ;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức trao tặng vào thời gian thích hợp tại địa phương với hình thức trang trọng và đảm bảo tiết kiệm đối với hình thức khen thưởng: Huân chương, Huy chương của Chủ tịch nước, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ tặng cho Nhân dân, cán bộ, chiến sĩ khen thưởng về thành tích kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

3. Việc tổ chức lễ trao tặng, đón nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng cấp tỉnh thực hiện theo hướng dẫn của Cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh và do Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Giám đốc doanh nghiệp tổ chức trao tặng cho tập thể, cá nhân tại Hội nghị cán bộ công chức hàng năm hoặc tổ chức vào thời điểm thích hợp để cổ vũ, động viên phong trào.

Điều 16. Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng

Thủ tục, hồ sơ đề nghị khen thưởng được thực hiện theo quy định tại Điều 84 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 48 Điều 1 Luật sửa, đổi bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013) và Điều 85 Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng.

Điều 17. Tuyển trình khen thưởng

1. Tuyển trình khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định 91/2017/NĐ-CP.

2. Doanh nghiệp Nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn Nhà nước chi phối do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập khi đề nghị công nhận danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng từ cấp tỉnh trở lên do Giám đốc doanh nghiệp trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) xét khen thưởng, công nhận hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

3. Các loại hình doanh nghiệp ngoài khu công nghiệp được Ủy ban nhân dân huyện, thành phố tổ chức cụm, khối thi đua, khi đề nghị tỉnh và Trung ương khen thưởng do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và Ủy ban nhân dân huyện,

thành phố xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

4. Các loại hình doanh nghiệp trong Khu Công nghiệp khi đề nghị tỉnh và Trung ương khen thưởng do Ban Quản lý các Khu công nghiệp xem xét, trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

5. Khen thưởng tập thể, cá nhân các hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân do Ủy ban nhân dân huyện, thành phố khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Khen thưởng thành tích xuất sắc, đột xuất trong đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, bảo vệ trật tự an toàn xã hội: vụ việc và thành tích diễn ra trên địa phương nào thì địa phương đó có trách nhiệm xét khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

7. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) chịu trách nhiệm tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ đúng quy định, trình cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

Điều 18. Thời điểm trình khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được (tổng kết năm) gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ).

a) Hồ sơ trình Cờ thi đua của tỉnh chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 hàng năm;

b) Hồ sơ trình khen thưởng cấp Nhà nước và cấp tỉnh chậm nhất vào ngày 05 tháng 3 hàng năm, ngành Giáo dục và Đào tạo chậm nhất vào ngày 30 tháng 7 hàng năm.

2. Khen thưởng thành tích đột xuất: Tập thể, cá nhân lập thành tích đặc biệt xuất sắc thì trong thời hạn 02 ngày làm việc Thủ trưởng các ngành, các cấp xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng để bảo đảm được tính nêu gương, khuyến khích, động viên kịp thời.

3. Khen thưởng đối với tập thể, cá nhân đạt giải các cuộc thi: sau khi Ban tổ chức trao thưởng không quá 15 ngày làm việc thì Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng.

4. Khen thành tích đóng góp vật chất: Tập thể, cá nhân có thành tích đóng góp (vận động đóng góp) thì trong thời hạn 05 ngày làm việc Thủ trưởng các ngành, các cấp xét khen thưởng hoặc trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khen thưởng để kịp thời ghi nhận và khuyến khích, động viên.

Chương IV

HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG CÁC CẤP

Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp tỉnh

Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

Điều 20. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng huyện, thành phố là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp huyện, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Các Phó Chủ tịch Hội đồng: Trưởng phòng Nội vụ là Phó Chủ tịch Thường trực; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và Chủ tịch Liên đoàn Lao động huyện là Phó Chủ tịch; Các ủy viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước trong từng năm và từng giai đoạn; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng;

d) Phòng Nội vụ các huyện, thành phố thực hiện nhiệm vụ Thường trực của Hội đồng.

Điều 21. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng xã, phường, thị trấn là cơ quan tham mưu, tư vấn cho cấp ủy Đảng và chính quyền về công tác thi đua, khen thưởng của địa phương.

2. Thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp xã, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường, thị trấn;

c) Ủy viên Thường trực Hội đồng là công chức Văn phòng thống kê (phụ trách chung, trực tiếp phụ trách Văn phòng - Thống kê - Nội vụ).

Các ủy viên Hội đồng: Thường trực Đảng ủy, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Bí thư Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh, công chức Tài chính - Kế toán và một số chức danh khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng; tham mưu thực hiện sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với nhiệm vụ phát triển của địa phương; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng.

c) Tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Điều 22. Hội đồng thi đua - khen thưởng các cơ quan Đảng; Nhà nước; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội; lực lượng vũ trang nhân dân; các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế

1. Thành phần Hội đồng, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch Công đoàn; Ủy viên Thường trực Hội đồng là Lãnh đạo Văn phòng hoặc Lãnh đạo tổ chức tham mưu về công tác tổ chức cán bộ, chế độ chính sách; Các Ủy viên Hội đồng, gồm: Bí thư cấp ủy (hoặc Phó Bí thư), Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trưởng các phòng chuyên môn, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc và một số chức danh khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

2. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phát động các phong trào thi đua theo thẩm quyền;

b) Định kỳ đánh giá kết quả phong trào thi đua và công tác khen thưởng hàng năm; kiến nghị, đề xuất các chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước phù hợp với cơ quan, đơn vị; kiểm tra, giám sát các phong trào thi đua và thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng;

c) Tham mưu cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị xét tặng các danh hiệu thi đua và các hình thức khen thưởng theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng.

Chương V

QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG, MỨC THƯỞNG VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 23. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng

1. Lập, sử dụng và quản lý quỹ thi đua, khen thưởng, mức thưởng thực hiện theo Chương VI, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ và theo pháp luật hiện hành.

2. Kinh phí thực hiện khen thưởng đối với các loại hình doanh nghiệp và các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên được thực hiện như sau:

a) Tập thể, cá nhân được khen thưởng cấp Nhà nước tiền thưởng thực hiện theo quy định chung.

b) Trường hợp khen thưởng tổng kết năm thuộc thẩm quyền của tỉnh đối với người đứng đầu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, Hợp tác xã và khen thưởng doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, Hợp tác xã thực hiện kinh phí khen thưởng từ ngân sách của tỉnh; đối với tổ chức bên trong của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp và cá nhân không là người đứng đầu của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp thì kinh phí khen thưởng được trích từ quỹ khen thưởng của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp.

3. Khen thưởng cho nông dân, công nhân, người lao động không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện theo nguyên tắc cấp nào quyết định khen thì cấp đó thưởng.

4. Tập thể, cá nhân đạt thành tích đột xuất đặc biệt xuất sắc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, tặng Bằng khen và thưởng tiền kèm theo. Tùy theo tính chất, mức độ, quy mô của vụ việc quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 12 Quy chế này, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mức tiền thưởng để kịp thời động viên, khích lệ, biểu dương, nhân rộng.

Chương VI **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; thủ trưởng các đơn vị cấp cơ sở; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp trong công tác thi đua, khen thưởng xây dựng và ban hành Quy chế của ngành, địa phương, đơn vị để áp dụng thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng thi đua - Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện Quy chế này và theo dõi, tổng hợp những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Thủ trưởng các cơ quan Đảng; Nhà nước; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và các hội; lực lượng vũ trang nhân dân; các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế; các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố chịu trách nhiệm chỉ đạo phổ biến, tổ chức thực hiện Quy chế này trong cơ quan, đơn vị, địa phương và Nhân dân trên địa bàn tỉnh Bến Tre./.